1. PlaceRushOrderInterface

<<interface>> PlaceRushOrderInterface

+ processPlaceRushOrderRequest(invoice : Invoice) : void

1.1. Attributes

không

1.2. Operations

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả về	Mô tả
1	ProcessPlaceRushOrderRequest	Void	Xử lý place rush order từ người dùng, update thông tin thanh toán trong hóa đơn

Parameters:

• invoice – hóa đơn đặt hàng

Exception:

- AddressNotSupportedException địa chỉ của khách hàng không hỗ trợ place rush order
- InternalServerErrorException lỗi hệ thống

2. PlaceRushOrderController

<<control>> PlaceRushOrderController

.

- invoice : Invoice
- + processRushOrderRequest(invoice : Invoice) : void
- + checkAddressSupported(invoice : Invoice) : boolean
- + reCalculateShippingFees(invoice : Invoice) : int
- + confirmInvoice(): void

2.1. Attributes

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Giá trị mặc định	Mô tả
1	invoice	Invoice	Null	Hóa đơn đặt hàng của
				khách hàng có yêu cầu
				xử lý place rush order

2.2. Operations

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả	Mô tả
		về	
1	processRushOrderRequest	Void	Xử lý rush order của khách hàng
2	checkAddressSupported	Boolean	Kiểm tra xem địa chỉ khách
			hàng cung cấp có hỗ trợ place
			rush order hay không
3	recalculateShippingFees	Int	Tính toán lại chi phí giao hàng
4	confirmInvoice	void	Khách hàng xác nhận place rush
			order

Parameters:

• invoice – hóa đơn đặt hàng

Exception:

- AddressNotSupportedException địa chỉ của khách hàng không hỗ trợ place rush order
- InternalServerErrorException lỗi hệ thống

3. Invoice

<<entity>>
Invoice

- id: int

- total Amount : int

+ Invoice(): void

+ saveInvoice(): void

+ updateInvoice(): void

3.1. Attributes

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Giá trị mặc định	Mô tả
1	id	INT	Auto generated	Mã đơn hóa đơn thanh
				toán
2	totalAmount	INT	0	Giá trị thanh toán

3.2. Operations

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả về	Mô tả
1	saveInvoice	void	Lưu hóa đơn thanh toán vào cơ sở dữ
			liệu
2	updateInvoice	Void	Cập nhật lại hóa đơn thanh toán sau khi
			có thêm rush order

Exception:

- DatabaseErrorException lỗi kết nối cơ sở dữ liệu

4. InvoiceScreen

<<body>
<
boundary>> InvoiceScreen

+ confirmInvoice() : void + displaySuccessOrder() : void + display(invoice : Invoice) : void

4.1. Attributes

không

4.2. Operations

#	Tên	Kiểu dữ liệu trả	Mô tả
		vė	
1	confirmInvoice	Void	Xử lý xác nhận hóa đơn thanh toán
			của khách hàng
2	displaySuccessOrder	Void	Hiển thị đặt hàng thành công
3	display	Void	Hiển thị hóa đơn để khách hàng xác
			nhận trước khi thực hiện giao dịch

Parameters:

• invoice – hóa đơn đặt hàng

Exception:

• InternalServerErrorException – lỗi hệ thống